

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **421/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 16 – 3 – 2026
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư
2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh; số 4 đường số 3 Khu Trung tâm hành chính xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 743/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 582/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/6/1991; Căn cước công dân số 079191017211 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 02/4/2021; Địa chỉ thường trú: E20/2 ấp 57, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: 281 đường N, phường V (Phường C, Quận S cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Anh Ph**, sinh ngày 12/11/1982; Căn cước công dân số 084082011209; Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Định, xã R, tỉnh Vĩnh Long; Cư trú: E20/2 ấp 57, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L trình bày:

Bà Phan Thị Ngọc L và ông Lê Anh Ph tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, tỉnh Vĩnh Long (xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2011, ngày 30/5/2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột nên làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân khoảng 4 năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Dù Bà L đã nhiều lần khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phan Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Anh Ph.

Về con chung: Bà L xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 22/9/2011 và Lê Ngọc C, sinh ngày 09/4/2017. Ngoài ra vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Hiện hai con đang sống với Bà L, do Bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Lê Anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Anh Ph đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

2. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn ông Lê Anh Ph hiện đang cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Anh Ph đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 và Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời, ông Lê Anh Ph đã được triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét, bà Phan Thị Ngọc L và ông Lê Anh Ph tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Vĩnh Long (xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2011, ngày 30/5/2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của Bà L xin được ly hôn với ông Lê Anh Ph.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng

giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng, giữa Bà L và ông Ph đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tôn trọng nhau; vợ, chồng đã sống ly thân, bỏ mặc nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, mạnh ai nấy sống. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Ph đến Tòa để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông Ph vẫn vắng mặt điều này thể hiện ông Ph không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà L xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 22/9/2011 và Lê Ngọc C, sinh ngày 09/4/2017. Hiện hai con đang ở với Bà L, do Bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Đơn trình bày ý kiến đề ngày 15/12/2025 trẻ Nam và trẻ Chi có nguyện vọng “nay ba và mẹ con ly hôn, con xin trình bày nguyện vọng của con là được ở với mẹ”. Hai trẻ cũng đang trong giai đoạn học tập, hình thành nhân cách nên cần có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Nay Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Mặt khác, ông Ph cũng không đến Tòa để tự khai và giải quyết vụ án nên cũng không thể hiện được ý kiến của ông về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi và phát triển về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà Phan Thị Ngọc L tiếp tục nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Ph cho đến khi Bà L có yêu cầu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Lê Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3.4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà L xác định quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L.

Về hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc L được ly hôn ông Lê Anh Ph. (Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2011 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, tỉnh Vĩnh Long (xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cũ) cấp ngày 30/5/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 22/9/2011 và Lê Ngọc C, sinh ngày 09/4/2017 cho bà Phan Thị Ngọc L trực tiếp nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Anh Ph cho đến khi Bà L có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng Phan Thị Ngọc L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029269 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10-HCM;
- THADS TPHCM;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung



Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10-HCM;
- THADS TPHCM;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung

